



yǒu rén
有人

pronoun · someone

Example Sentences

zhè ge zuò wèi yǒu rén ma
这个座位有人吗？

Is this seat taken?

wǒ yīn yuē tīng dào yǒu rén zài jiào wǒ
我隐约听到有人在叫我。

I faintly heard someone calling me.

yǒu rén xiàn hài tā tōu le gōng sī de qián
有人陷害他偷了公司的钱。

Someone framed him for stealing the company's money.

Trace each character, then write the word on your own.

有	有	有	有	有	有	有	有	有				
人	人	人	人	人								